TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH N**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ THỊ DUYÊN

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà DƯƠNG THỊ TƯ

2/ Ông LÊ CÔNG QUYỀN

- Thư ký phiên tòa: Bà TRƯƠNG THỊ THẢO QUYÊN - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông VÕ HOÀNG NHÂN - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **THÀNH THỊ THANH M**, sinh năm 1989 - (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà H5/2, Tổ 19, ấp Trường C, xã Trường H, huyện H, tỉnh N.

- *Bị đơn:* Anh **BÙI VĂN V**, sinh năm 1986 - (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà H6/9^{B}, Tổ 15, ấp Trường C, xã Trường H, huyện H, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 01 năm 2019 và lời trình bày của chị Thành Thị Thanh M thể hiện như sau:

Chị Thành Thị Thanh M và anh Bùi Văn V tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trường H, huyện H, tỉnh N ngày 04/8/2010. Do anh V là con trai út nên vợ chồng sống chung nhà của mẹ chồng, do trước đây vợ chồng đều đi cạo mủ cao su mướn cho người khác nên thường ở luôn trong trại của chủ vườn ở huyện Tân Biên, tỉnh N lâu lâu mới về nhà mẹ chồng một lần. Trong thời gian vợ chồng chung sống anh V thường xuyên đi uống rượu với bạn bè, không lo cho cuộc sống của gia

đình, mọi chi phí trong gia đình, nuôi con ăn học đều do một mình chị gánh vác, chị có khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh V vẫn không sửa đổi nên vợ chồng không có hạnh phúc. Do bất mãn chồng nên chị bỏ về nhà mẹ ruột sống ly thân với anh V từ năm 2014 đến nay không còn liên lạc với anh V. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh V để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị M và anh V có 02 người con chung: Bùi Thái D, sinh ngày 28/7/2005 và Bùi Thị Tường V, sinh ngày ngày 14/10/2006. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, ban ngày 02 con sống chung với chị, chị lo mọi chi phí nuôi con ăn học, ban đêm 02 con về nhà bà nội ngủ sáng đi học. Sau khi ly hôn chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 04/01/2019 Trưởng Ban quản lý ấp Trường C xác nhận anh Bùi Văn V có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại số nhà H6/9^{B}, Tổ 15, ấp Trường C, xã Trường H, huyện H, tỉnh N, do mâu thuẫn vợ chồng nên chị M và anh V đã sống ly thân khoảng 3-4 năm nay, chị M về nhà mẹ ruột ở còn anh V đi cạo mủ cao su mướn ở huyện Tân Biên, tỉnh N rất ít khi về nhà, mẹ của anh V là bà Bùi Thị Liên hàng ngày do đi làm nên cũng ít khi có mặt ở nhà. Tòa án tiến hành triệu tập anh V theo thủ tục niêm yết công khai để giải quyết vụ án nhưng anh V không lần nào có mặt nên không thu thập được lời khai của anh V.

Tại phiên tòa, chị M vẫn giữ nguyên ý kiến, không trình bày gì khác; anh V vắng mặt không có lý do.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh V; theo nguyện vọng của 02 cháu nên cần giao cháu D và cháu V cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị M không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung ghi nhận chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Bùi Văn V là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Thành Thị Thanh M và anh Bùi Văn V tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống do anh V thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến cuộc sống gia đình nên vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, anh chị không

còn liên lạc với nhau. Xét thấy anh chị đã có thời gian dài sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh V là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Xét thấy từ khi chị M và anh V sống ly thân đến nay, chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, cháu D và cháu V cũng có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ, nên cần giao 02 con chung cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp, ghi nhận chị M không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M trình bày không có, ghi nhận chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thành Thị Thanh M đối với anh Bùi Văn V. Chị M và anh V không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

- Về con chung: Giao chị Thành Thị Thanh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng Bùi Thái D, sinh ngày 28/7/2005 và Bùi Thị Tường V, sinh ngày 14/10/2006, ghi nhận chị M không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Anh V có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh V thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Thành Thị Thanh M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012830 ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh N, chị M đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị Thành Thị Thanh M biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh N để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Bùi Văn V vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA DS huyện H;
- UBND xã Trường H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP-(D).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA